

Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non tại thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Minh Trí*, Phạm Đào Tiên**

*HVCH – Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM

** TS. Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục TP. HCM

Received: 2/1/2023, Accepted: 8/1/2023, Published: 12/1/2023

Abstract: The rapid development of economic and social aspects and international exchange generates multi-dimensional and complex impacts on the formation and development of the personalities of young children. Therefore, life skill education and the management of life skill education for three to six years old helps raising children's awareness, forming their attitude emotions, beliefs, as well as dynamism and creativity of children. The article analyzes the current situation of managing activities of life skills education for 3 – 6 years old children at Kindy City International Kindergarten, Ho Chi Minh city. As such, recommendations are made for managers of educational agencies and units in general, and international preschools under the Kindy city system in particular to improve the quality of skills education activities. Life and the management of life skills education activities for 3 – 6 years old.

Keywords: status, management of life skills education activities

1. Mở đầu

Giáo dục KNS cho trẻ mầm non đóng vai trò quan trọng, giúp trẻ hoàn thiện sự phát triển tâm lý trong suốt thời kỳ mẫu giáo, góp phần chuẩn bị cho trẻ làm quen với cuộc sống và hoạt động học tập ở trường phổ thông.

Các trường mầm non TP Hồ Chí Minh nói chung và trẻ mẫu giáo TP Thủ Đức nói riêng và đặc trưng là dạy tiếng Anh và rèn kỹ năng sống cho trẻ. Theo phân bổ mỗi ngày các bé sẽ có một tiết kỹ năng sống tương đương 30 phút. Trong đó trẻ được học một kỹ năng lặp đi lặp lại trong một tuần liên tục để nắm rõ và thuần thục. Từ lớp nhà trẻ 18 tháng sẽ học những kỹ năng chăm sóc bản thân như biết cầm muỗng múc ăn, biết thay quần áo khi bị ướt, biết chào hỏi người lớn... các lớp lớn hơn sẽ học các kỹ năng phức tạp hơn, bao gồm việc nhận biết và xa tránh xa, trẻ biết cách gấp quần áo, chăm sóc cây trong vườn... Ngoài ra, trường sẽ cập nhật và áp dụng dạy trẻ những kỹ năng theo tình hình cuộc sống và xã hội thực tế cần thiết như kỹ năng phản xạ khi người lạ tiếp xúc, kỹ năng rửa tay nơi công cộng, kỹ năng di chuyển bằng thang máy, tập huấn phòng cháy chữa cháy ... giúp trẻ bình tĩnh ứng phó trước các tình huống khẩn cấp. Mặc dù vậy, các nghiên cứu giáo dục về quản lý giáo dục kỹ năng sống nhìn chung chưa nhiều, đặc biệt, quản lý giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non TP Hồ Chí Minh, trong đó, có các

trường mầm non TP Thủ Đức.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm và nội dung QLHĐGDKNS cho trẻ MG trường MN

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non là những tác động có ý thức, có tổ chức của chủ thể quản lý trường mầm non đến toàn bộ hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, giúp trẻ hình thành và phát triển thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh, “*nâng cao hiệu quả, nâng cao hiệu biết, hoàn thiện nhân cách cho đúng chuẩn mực xã hội, giúp trẻ trang bị kiến thức và kỹ năng đầy đủ để bước vào bậc học cao hơn, thích nghi nhanh chóng với môi trường giáo dục mới*” (Phạm Thị Châu, 2002).

QLHĐ GDKNS cho trẻ MG tại trường MN cũng có vai trò quan trọng góp phần quyết định cho những hoạt động triển khai có đúng theo kế hoạch, có được tổ chức hiệu quả, được chỉ đạo đúng định hướng hay được kiểm tra sát sao để hoạt động mang lại hiệu quả tối ưu hay không. Hoạt động quản lý GDKNS cho trẻ MG gồm các nội dung: (1) Xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNS cho trẻ MG các trường MN; (2) Tổ chức thực hiện hoạt động GDKNS cho trẻ MG các trường MN; (3) Chỉ đạo hoạt động chuyên môn của GV.; (4) KTĐG thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho trẻ trong trường MN.

2.2. Thực trạng QLHĐ GDKNS cho trẻ MG tại các

trường MN ở TP Thủ Đức

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và các khách thể là CBQL, GV, NV và CMHS của 10 trường, thời gian thực hiện vào tháng 5/2022. Tổng số người tham gia trả lời là 200 người, gồm 30 CBQL, 56 GV, 114 Phụ huynh. Đồng thời tiến hành phỏng vấn sâu 10 CBQL, 10 GV..

2.2.1. Nhận thức tầm quan trọng của QLHĐ GDKNS cho trẻ MG ở trường MN

TT	Tầm quan trọng	CBQL			GV			ĐTB chênh lệch
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Nâng cao kiến thức cho CBQL và GVMN với vai trò quan trọng hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích	4,20	0,551	3	4,29	0,620	3	0,09
2	GDKNS cho trẻ trong hoạt động vui chơi, học tập, nuôi dưỡng, chăm sóc tổ chức các ngày lễ hội ở trường MN	4,33	0,479	1	4,50	0,539	1	0,17
3	Hoàn thiện kế hoạch của nhà trường trong hoạt động GDKNS cho trẻ.	3,27	0,450	2	4,36	0,616	2	0,09
ĐTB		4,26			4,38			

Bảng 2.1. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của QLHĐGDKNS cho trẻ MG các trường MN.

Ghi chú: GTTB: Giá trị trung bình, TH: Thứ hạng Các CBQL và GV tại các trường MN TP Thủ Đức đều cho rằng hoạt động QLHĐ GDKNS cho trẻ MG ở trường MN là rất quan trọng, thể hiện qua điểm đánh giá chung của hai nhóm khách thể lần lượt là 4,26 và 4,38, ĐTB của mỗi mục hỏi đều đạt trên 4,20. Thêm vào đó, cả hai nhóm khách thể đều đưa ra bảng xếp hạng tương tự mức độ quan trọng của các nhóm yếu tố và đều cho rằng vai trò quản lí GDKNS cho trẻ trong hoạt động vui chơi, học tập, nuôi dưỡng, chăm sóc, tổ chức các ngày lễ, hội ở trường MN là quan trọng nhất (ĐTB lần lượt là 4,26 và 4,38).

2.2.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động GDKNS cho trẻ MG ở trường MN ở TP Thủ Đức.

TT	Thực trạng quản lý							
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Xây dựng kế hoạch cụ thể về việc GDKNScho trẻ trong tổ chức hoạt động vui chơi.	4,30	0,651	1	4,36	0,749	1	0,06
2	Kế hoạch tổ chức hoạt động nhận thức phải được xây dựng cụ thể từ đầu năm học và được thực hiện trong kế hoạch năm học của nhà trường	4,10	0,712	2	4,11	0,749	3	0,01
3	Kế hoạch GDKNS của trẻ trong hoạt động lao động được xây dựng cụ thể và được lồng ghép trong kế hoạch năm học	3,07	0,640	3	4,18	0,690	2	0,11
4	Có kế hoạch mua sắm, sửa chữa trang TB CSVC, hạ tầng của nhà trường	3,93	0,828	4	4,07	0,749	4	0,14
5	Có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn về GDKNS cho trẻ.	3,73	0,828	5	3,86	0,781	5	0,12
ĐTB		4,03			4,11			

Bảng 2.2. Thực trạng XDKH hoạt động GDKNS cho trẻ MG các trường MN ở TP Thủ Đức.

Nhìn chung, các CBQL và GV đều cho công tác “XDKH cụ thể về GDKNS cho trẻ trong tổ chức hoạt động vui chơi” thực hiện đạt mức “tốt”, trong đó nhóm CBQL đánh giá ĐTB là 4,30 và giáo viên đánh giá là 4,36 điểm. Công tác lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CSVC, hạ tầng của trường được xếp vào hạng 4/5, trong khi kế hoạch bồi dưỡng

GV nâng cao trình độ chuyên môn về GDKNS cho trẻ được đánh giá thứ hạng 5/5. Lí giải cho thực trạng này, có thể thấy việc mua mới trang thiết bị do quản lý cơ sở đề xuất trực tiếp với quản lý cấp trên. Ngân sách phụ thuộc vào quyền quyết định do Ủy ban nhân dân TP Thủ Đức đưa ra. Bên cạnh đó, mặc dù trường

có nhiều chủ trương khuyến khích cho GV học tập nâng cao trình độ, song do tình hình của từng đơn vị nguồn ngân sách trích để cho GV được học tập và bồi dưỡng còn nhiều khó khăn, vận động mỗi GV phải có kinh phí tự túc và vẫn phải có đảm bảo số giờ ngày công thực hiện nên hiệu quả tại các trường này vẫn đạt chưa cao.

2.2.3. Thực trạng tổ chức hoạt động GDKNS cho trẻ MG tại các trường MN

Số liệu khảo sát cho thấy có sự tương đồng giữa quan điểm của nhóm CBQL và nhóm GV trong việc đánh giá việc tổ chức thực hiện GDKNS cho trẻ MG ở trường MN, cũng như xếp thứ hạng trong nhóm yếu tố số 1, 4, 5. Với các yếu tố 2, 3 có sự khác biệt về cách xếp thứ hạng, song cách biệt về điểm đánh giá trung bình của nhóm CBQL và nhóm

GV đối với các khía cạnh này là không lớn.

2.2.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động GDKNS cho trẻ MG tại các trường MN

Số liệu khảo sát cho thấy: Nhìn chung, các CBQL và GV đều đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDKNS tiệm cận mức tốt, thực hiện ở ĐTB đạt 4,09 (đối với nhóm CBQL và GV) và 4,12 (đối với nhóm GV). Cán bộ quản lý

đánh giá việc chỉ đạo kịp thời các bộ phận, cá nhân tham gia hoạt động thực hiện theo tiến độ kế hoạch học tập, vui chơi cho trẻ thực hiện tốt nhất; trong khi trong khi các GV lại đánh giá cao về việc chỉ đạo sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất đúng với từng cá nhân, bộ phận.

2.2.5. Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MG tại các trường MN.

Kết quả khảo sát cho thấy các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá được đánh giá ở mức khá. Đánh giá của nhóm cán bộ quản lý và nhóm GV về công tác kiểm tra đánh giá có sự khác biệt và cách xếp thứ hạng các nội dung. Nhóm CBQL đánh giá công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong hoạt động lễ hội ở trường thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng (xếp hạng 1 với điểm trung bình là 4,13). Nhóm giáo viên đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất được thực hiện tốt nhất (với điểm trung bình là 4,18 điểm). Tuy nhiên công tác kiểm tra, đánh giá tổng thể tổ chức môi trường giáo dục để phát hiện những thiếu sót và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu chưa được đánh giá cao. Thêm vào đó, việc kiểm tra xác định những nguyên nhân để khắc phục những hạn chế trong hoạt động nhận thức cũng được cán bộ quản lý đánh giá là thực hiện chưa tốt (điểm trung bình MN là 3,93, xếp hạng 4)

2.3.. Một số giải pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MG trong trường MN

2.3.1. Đối với các cấp quản lý:

Biện pháp này rất quan trọng và cần thiết. Nhà trường tăng cường hướng dẫn thực hiện các văn bản chỉ đạo từ sở giáo dục và hoạt động giáo dục KNS; tuyên dương, khen thưởng các đơn vị, cá nhân tại trường cũng đã thực hiện tốt hoạt động giáo dục KNS.

2.3.2. Đối với các trường công lập:

Biện pháp rất cần thiết đối với quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo. Trường MN tiếp tục nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và CMHS về tầm quan trọng hoạt động GDKNS cho trẻ trong trường MN; Tăng cường công tác xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; Tổ chức đổi mới thực hiện cải cách giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ; Đổi mới quá trình kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ của giáo viên; Tăng cường công tác y tế trong hoạt động

GDKNS cho trẻ ở trường MN.

3. Kết luận

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và trí, đức, thể mỹ, đồng thời thực hiện các mục tiêu giáo dục về sự lớn khôn, phát triển toàn diện, tối đa của trẻ mà nhà trường đã cam kết phụ huynh. Qua việc nghiên cứu vẫn thích kết quả chắc chắn, có thể thấy hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MG tại các trường mầm non trên địa bàn TP Thủ Đức cơ bản đảm bảo nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MG và được triển khai nhiều hình thức và phương thức phương pháp dạy học phù hợp. Bên cạnh đó, phần lớn cán bộ quản lý nhà trường đặc biệt là quản lý là hiệu trưởng các trường đã có những nỗ lực trong việc khắc phục các trở ngại khó khăn thực hiện công tác lập kế hoạch, tổ chức, phân công, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá trong các nội dung quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành TƯ (2013), *Nghị quyết số 29 NQ/TU về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018)*Thông tư số 32 - TT/2018/BGDĐT về chương trình Giáo dục phổ thông*. Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hồng Vân (2017) “Giáo dục Phương pháp Montessori trong GD KNS cho trẻ MG tuổi trong trường MN ở ”. *Tạp chí giáo dục và xã hội. Số đặc biệt kì 2 tháng 8*,63-65
- 4 .Hoàng Thúy Nga (2015). QLHĐGDKNS cho học sinh tiểu học theo tiếp cận mục tiêu. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 125, 46-48.
- 5 .Nguyễn Bích Ngọc (2017). “QLHĐ giáo dục thể chất trong trường MN Hoa Sữa quận Long Biên - Hà Nội”. *Tạp chí giáo dục, số đặc biệt kỳ 2 tháng 10*, 20-22.
- 6 .Phan Long (2018). GDKNS thông qua hoạt động lao động cho trẻ MG 5-6 tuổi . *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, 3(19), 104-112.
- 7 Đào Thị Chi Hà (2018). Quản lý GDKNS cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường MN tư thục. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, 8, 100-106.
- 8 .Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Ngọc (2014). *Những cơ sở về khoa học quản lí*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Nguyễn Thị Châu (Chủ biên, 2002). *Một số vấn đề quản lí giáo dục MN*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội